

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia trong bối cảnh mới: Nhìn từ phía Việt Nam

Nguyễn Huy Hoàng^(*)

Tóm tắt: Hợp tác Việt Nam - Lào - Campuchia nói chung và trong lĩnh vực kinh tế nói riêng đã trải qua những thăng trầm và từng bước được củng cố và phát triển. Trong hợp tác kinh tế, giữa ba nước đã có mối quan hệ kinh tế song phương và đa phương hết sức bền chặt và đã được chứng minh trong quá trình phát triển. Bằng chứng là, Việt Nam là một trong những đối tác thương mại và đầu tư hàng đầu tại hai nước láng giềng trên bán đảo Đông Dương. Trong khi đó, Campuchia và Lào là những thị trường quan trọng của Việt Nam. Hiện nay, bối cảnh khu vực và quốc tế có nhiều biến đổi, có khả năng tác động sâu sắc đến quan hệ hợp tác kinh tế giữa ba nước. Nhìn từ quan điểm của Việt Nam, bài viết nhận diện những nhân tố tác động đến quan hệ hợp tác kinh tế giữa ba nước trong bối cảnh khu vực và quốc tế mới, đánh giá thực trạng hợp tác kinh tế giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, qua đó nêu lên những triển vọng quan hệ kinh tế ba nước nhằm hướng tới phát triển thịnh vượng và bền vững cho Việt Nam, Lào, Campuchia và cho toàn bộ khu vực Đông Dương trong bối cảnh khu vực và toàn cầu đang thay đổi.

Từ khóa: Quan hệ kinh tế, Hợp tác khu vực, Hợp tác quốc tế, Việt Nam, Lào, Campuchia

Abstract: Vietnam - Laos - Cambodia cooperation in general and in the economic sector in particular, though undergoing ups and downs, has gradually strengthened and developed. Economic cooperation has been proven throughout its development a strong tie in both bilateral and multilateral relations. As evidence, Vietnam is one of the leading trade and investment partners to her two Indochina neighboring countries. Meanwhile, Cambodia and Laos are important markets of Vietnam. At present, there have seen numerous changes in the regional and international context, which are likely to drastically affect the economic cooperation among the three countries. From the perspective of Vietnam, the paper identifies factors affecting economic cooperation among the three countries in the new regional and international context, assessing the status of their economic cooperation, thereby highlighting the prospects of the three countries' economic relations towards a prosperous and sustainable development for Vietnam, Laos, Cambodia and the entire Indochina region in the changing regional and global context.

Keywords: Economic Relations, Regional Cooperation, International Cooperation, Vietnam, Laos, Cambodia

^(*) PGS.TS., Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: hoangh.iseas@gmail.com

I. Nhận diện bối cảnh mới có tác động đến quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia

Trong những năm qua, có thể nói, quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia đã có những bước phát triển vượt bậc mặc dù có những nhân tố tác động đến mối quan hệ này. Cụ thể là:

Thứ nhất, việc hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đã có những tác động nhất định đối với quan hệ kinh tế ba nước. Trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới, ba nước Đông Dương Việt Nam - Lào - Campuchia đã có sự tương trợ lẫn nhau nhằm giúp mỗi nước có được sự chuẩn bị đầy đủ cho tiến trình hội nhập mà ASEAN là kênh hội nhập đầu tiên của cả ba nước. Là thành viên của AEC, quan hệ kinh tế ba nước được thúc đẩy thông qua các cơ chế thúc đẩy thương mại và đầu tư ASEAN. Bên cạnh đó, các cơ chế hợp tác trong AEC cũng có thể có tác động chuyển hướng đầu tư và thương mại của ba nước. Ba nước trở nên cạnh tranh lẫn nhau cao hơn và tính gắn kết nội tại của ba nền kinh tế có thể sẽ yếu đi.

Thứ hai, xu hướng bảo hộ mậu dịch có thể thấy rõ tại Hoa Kỳ, khi ông Donald Trump sau khi đắc cử Tổng thống vào cuối năm 2016 đã tuyên bố rút khỏi Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP (nay là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP); đàm phán lại Hiệp định khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA); ngừng đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) với Liên minh châu Âu (EU), hay xem xét lại các hiệp định khác. Chính quyền Tổng thống D. Trump còn tiến hành áp đặt thuế nhập khẩu lên các sản phẩm xuất khẩu quan trọng của nhiều quốc gia khác như nhôm, thép cuộn (Nguyễn Mai, 2018). Đặc biệt, căng

thẳng thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là Hoa Kỳ và Trung Quốc có nguy cơ bùng phát thành cuộc chiến tranh thương mại khi gần đây, vào tháng 7/2018, Hoa Kỳ thực hiện áp đặt thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ từ thị trường Trung Quốc. Đáp lại, Trung Quốc ngay lập tức áp thuế quan lên hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ (An Huy, 2018). Trước đó, tại EU, sự kiện nước Anh rời khỏi liên minh này (thường được gọi là Brexit) vào tháng 6/2016 làm gia tăng sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa bảo hộ, đồng thời tác động mạnh đến tính bền vững của mô hình liên minh siêu nhà nước "EU" hiện nay và trong tương lai. Những diễn biến trên được cho là có những tác động không nhỏ đến các nền kinh tế Đông Nam Á có độ mở cao và ngày càng tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất khu vực như Việt Nam và Lào.

Thứ ba, sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0). Bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 chính là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Chi phí giao dịch, vận chuyển sẽ giảm đáng kể, đồng thời giúp cải thiện dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thương mại. Tuy nhiên, bên cạnh các cơ hội, cuộc cách mạng này cũng tạo ra nhiều thách thức đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, Lào, Campuchia, trong đó một trong những thách thức lớn nhất là lao động chi phí thấp mất dần lợi thế, khoảng cách công nghệ và tri thức với bên ngoài có nguy cơ bị nới rộng ra, từ đó tác động đến hợp tác kinh tế giữa ba quốc gia. Xu hướng trên chỉ ra rằng, nếu muốn tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và thương mại, cấu

trúc sản xuất, cũng như các quốc gia khác, không thể dựa vào các mặt hàng thâm dụng tài nguyên, công nghệ thấp và lao động giản đơn như trước mà cần chuyển dịch lên sản xuất các phân đoạn yêu cầu hàm lượng khoa học, công nghệ và vốn tri thức cao hơn.

Thứ tư, tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất khu vực và lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc có chiều hướng suy giảm. Một mặt, đây là cơ hội đối với Việt Nam, Campuchia và Lào để trở thành điểm đến hợp tác kinh tế mới của các quốc gia trong khu vực. Mặt khác, khi nền kinh tế Trung Quốc giảm tốc, có thể tạo ra những tác động tiêu cực đối với các nền kinh tế khu vực ASEAN, bao gồm cả Việt Nam, Lào và Campuchia bởi Trung Quốc là thị trường cung cấp hàng hóa nguyên liệu đầu vào quan trọng phục vụ cho các hoạt động sản xuất và xuất khẩu của khu vực. Thêm vào đó, Trung Quốc đóng vai trò quan trọng trong mạng lưới sản xuất, phân phối hàng hóa của khu vực nói riêng, của toàn cầu nói chung, nên bất kỳ biến động nào của kinh tế nước này cũng sẽ có những tác động ít nhiều đến hợp tác thương mại và đầu tư không chỉ giữa ba quốc gia Đông Dương mà còn với toàn bộ các quốc gia khu vực Đông Á.

II. Thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia

1. Quan hệ kinh tế Việt Nam - Campuchia

Sau cuộc Tổng tuyển cử ở Campuchia năm 1993, quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Campuchia chuyển sang một giai đoạn mới phù hợp với tình hình của mỗi nước. Lãnh đạo và nhân dân hai nước tiếp tục nỗ lực củng cố và tăng cường quan hệ “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài”. Với định hướng đó, quan hệ hai nước đã không ngừng được củng cố và phát triển trên mọi lĩnh vực, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai

nước, đóng góp tích cực vào hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực và trên thế giới.

Trong lĩnh vực kinh tế, hai bên đã ký kết nhiều hiệp định hợp tác như Hiệp định về Hợp tác kinh tế thương mại (tháng 4/1994); Hiệp định về thành lập Ủy ban hỗn hợp về kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật (tháng 4/1994); Hiệp định về Quá cảnh hàng hóa (tháng 4/1994); Hiệp định Thương mại mới (tháng 3/1998); Hiệp định về Hợp tác khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực Nông, Lâm, Ngư nghiệp (tháng 8/2000); Hiệp định Khuyến khích và bảo hộ đầu tư (tháng 11/2001); Hiệp định Mua bán, trao đổi hàng hóa và dịch vụ thương mại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (tháng 11/2001); Thỏa thuận Thúc đẩy thương mại Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2012-2013 (tháng 2/2012) (VCCI, 2016).

Việt Nam và Campuchia cũng đã xây dựng một số cơ chế hợp tác thường niên, trong đó đáng chú ý là Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia về Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật; Hội nghị Hợp tác và phát triển các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia; Hội nghị Xúc tiến đầu tư Việt Nam - Campuchia và Hội nghị về Phát triển thương mại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia (<http://www.thuongmai-biengioimiennui.gov.vn/vn/bien-gioi-mien-nui-hai-dao/thong-tin-co-ban-ve-quan-he-viet-nam-%E2%80%93campuchia-2643.phtml>). Bên cạnh đó, hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Campuchia không chỉ diễn ra trong khuôn khổ song phương mà còn diễn ra tại nhiều cơ chế, sáng kiến hợp tác khu vực khác như Tam giác Phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV); Tiểu vùng sông Mê công mở rộng (GMS); Chiến lược hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawadi - Chao Praya - Mekong (ACMECS); Hành lang kinh tế Đông Tây (WEC); Cộng đồng kinh

tế ASEAN (AEC); hay Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

Sự tương tác chặt chẽ giữa Việt Nam và Campuchia là yếu tố quan trọng thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư giữa đôi bên. Cụ thể, trong lĩnh vực thương mại, số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan cho thấy, tổng kim ngạch trao đổi thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Campuchia đã tăng mạnh từ 1,19 tỷ USD năm 2007, lần lượt lên mức 1,82 tỷ USD và 3,79 tỷ USD các năm 2010 và 2017, trong đó thương mại hai chiều Việt Nam - Campuchia năm 2017 tăng xấp xỉ 30% so với năm 2016.

Về xuất khẩu, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Campuchia tăng từ 0,9 tỷ USD lên tới 2,7 tỷ USD giai đoạn 2007-2017. Tuy nhiên, tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Campuchia là không đồng đều, tăng tương đối mạnh giai đoạn 2010-2013 nhưng lại giảm khá nhanh 3 năm sau đó (2013-2016), xuống chỉ còn 2,19 tỷ USD năm 2016. Đà suy giảm chỉ dừng lại trong năm 2017, với mức tăng trưởng lên tới 26,1% so với năm 2016. Đối với Campuchia, Việt Nam là thị trường cung cấp hàng hóa lớn thứ ba, sau Trung Quốc và Thái Lan. Về nhập khẩu, giá trị kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia mở rộng khá nhanh, tăng từ 202 triệu USD lên đến 1,02 tỷ USD giai đoạn 2007-2017. Mặc dù vậy, cũng như xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa từ Campuchia cũng dao động tương đối mạnh thời gian này, phần nào cho thấy tính dễ bị tổn thương trong hoạt động thương mại giữa Việt Nam và Campuchia. Cụ thể, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Campuchia tăng nhẹ trong giai đoạn 2011-2013 (từ 430 triệu USD lên 504 triệu USD), và đạt 623 triệu USD năm 2014. Con số này tăng vọt lên 947 triệu

USD năm 2015 nhưng lại giảm xuống còn 726 triệu USD năm 2016 (Tổng cục Hải quan, 2017) và lại tăng lên gần 1 tỷ USD năm 2017 (Trường Sơn, 2018). Trong quan hệ thương mại với Campuchia, Việt Nam luôn là nước đạt thặng dư thương mại, trong đó mức thặng dư năm 2013 là lớn nhất, lên tới 2,42 tỷ USD (*Niên giám Thống kê Tổng cục Hải quan*, 2008-2018).

Về cơ cấu thương mại, có sự thay đổi khá rõ giữa thứ tự giá trị kim ngạch các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Campuchia thời gian gần đây. Cụ thể, năm 2013, thứ tự các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất lần lượt là: xăng dầu (607 triệu USD); sắt thép (430 triệu USD); phân bón (210 triệu USD); hàng dệt may (140 triệu USD); và sản phẩm từ chất dẻo (125 triệu USD). Tuy nhiên, đến năm 2017, sắt thép là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất, với giá trị 521 triệu USD, tăng 69,7% về trị giá so với năm 2016; theo sau lần lượt là xăng dầu (375 triệu USD, tăng gần 30% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016); hàng dệt may (348 triệu USD, tăng 42,6%), nguyên phụ liệu dệt may (183 triệu USD, tăng 20,4%) và phân bón (121 triệu USD, tăng 51,2%). Trong lĩnh vực nhập khẩu, năm 2013 các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu lớn nhất từ Campuchia bao gồm cao su (113 triệu USD), hạt điều (68 triệu USD), gỗ và sản phẩm gỗ (9 triệu USD); đến năm 2017, thứ tự các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu lớn nhất từ Campuchia lần lượt là gỗ và sản phẩm gỗ (214 triệu USD, tăng 16,9% so với cùng kỳ năm 2016), hạt điều (168 triệu USD, tăng 46% so với cùng kỳ) và cao su (138 triệu USD, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2016) (Tổng cục Hải quan, 2018).

Về đầu tư, theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy, tính đến cuối năm 2017, Việt Nam

có 196 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 2,94 tỷ USD, nằm trong nhóm 5 quốc gia có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều nhất tại Campuchia. Các lĩnh vực thu hút nhiều vốn đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường Campuchia là nông, lâm nghiệp (54%); năng lượng (27%); tài chính - ngân hàng và bảo hiểm (8,7%); và bưu chính, viễn thông (5,1%). Một số dự án đầu tư lớn của các doanh nghiệp Việt Nam vào Campuchia thời gian qua có thể kể đến như: Dự án Bệnh viện Chợ Rẫy-Phnom Penh (90 triệu USD), Dự án trồng cao su tại Campuchia của Công ty An Đông Mía (80 triệu USD) và Dự án Nhà máy sản xuất phân bón Năm Sao Campuchia (65 triệu USD) (Cục Đầu tư nước ngoài, 2018).

Về du lịch, năm 2016, trao đổi khách du lịch giữa Việt Nam và Campuchia đạt hơn 1,17 triệu lượt, trong đó có gần 212.000 lượt khách du lịch Campuchia đến Việt Nam và gần 960.000 lượt khách du lịch Việt Nam thăm Campuchia. Việt Nam là thị trường du lịch hàng đầu của Campuchia, trong khi Campuchia nằm trong nhóm 15 thị trường hàng đầu của du lịch Việt Nam (Phuong Mai, Tố Linh, 2017).

2. Quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng gần gũi, quan hệ anh em gắn kết giữa hai dân tộc không ngừng được củng cố và phát triển trong nhiều năm qua. Hai bên đã đạt được nhiều thành tựu toàn diện từ kinh tế, chính trị, quốc phòng - an ninh, văn hóa giáo dục - xã hội đến giao lưu nhân dân.

Trong hợp tác kinh tế, hai bên đã ký kết nhiều văn kiện, hiệp định hợp tác quan trọng, bao gồm: Hiệp định Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật (năm 1992-1995, 2002, 2003); Hiệp định Quá cảnh hàng hóa (năm 1994); Hiệp định Hợp tác lao động (năm 1995); Hiệp định Khuyến

khích và bảo hộ đầu tư (năm 1996); Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần (năm 1996); Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào (năm 1998, 2015); và Hiệp định Thương mại biên giới Việt Nam - Lào (năm 2017). Bên cạnh đó, Việt Nam và Lào còn phối hợp hợp tác có hiệu quả trong các sáng kiến, cơ chế hợp đa phương khu vực, nhất là trong khuôn khổ ASEAN như AEC, GMS, Hợp tác Tam giác phát triển CLV.

Về thương mại, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong năm 2017 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với Lào đạt 892,9 triệu USD, tăng 8,5% so với năm 2016. Trong đó, cán cân thương mại hàng hóa nghiêng về phía Việt Nam, với mức thặng dư 156,1 triệu USD. Điều đáng ngại là, tổng kim ngạch trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam và Lào có chiều hướng đi xuống so với các năm 2016. Thương mại hàng hóa Việt Nam - Lào giai đoạn 2013-2015 trung bình đạt trên 1 tỷ USD mỗi năm.

Trong năm 2017, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang thị trường Lào đạt trị giá 524,5 triệu USD, tăng 9,7% so với năm 2016. Thị trường Lào hiện nay chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang Lào trong năm 2017 chủ yếu gồm: xăng dầu (88,6 triệu USD); sắt thép (74,4 triệu USD); phương tiện vận tải và phụ tùng (52,7 triệu USD) (Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, 2018).

Về nhập khẩu, năm 2017 hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Lào vào Việt Nam đạt 368,4 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên cũng chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam, chỉ đạt 368,4 triệu USD so với 211,1 tỷ USD của cả nước. Cơ cấu hàng nhập khẩu chủ yếu gồm: phân bón (46,7 triệu USD); quặng và

khoáng sản khác (27,8 triệu USD), gỗ (42 triệu USD) (Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, 2018).

Về đầu tư, theo số liệu của Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào, tính đến hết năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam đã cấp phép cho 277 dự án của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang Lào với tổng số vốn FDI đạt 5,1 tỷ USD, tăng 1,4 lần về số dự án và tăng gần 35% tổng số vốn FDI so với năm 2009, đồng thời phủ khắp 17/18 tỉnh, thành phố của Lào. Lào là nước có số doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài lớn nhất, giải ngân lũy kế đến nay khoảng 2,2 tỷ USD. Về cơ cấu đầu tư, đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Lào chủ yếu tập trung vào lĩnh vực năng lượng, thủy điện (26%); dịch vụ, hạ tầng (20%); nông, lâm nghiệp (23%); khai khoáng (19%); tài chính - ngân hàng (2%) (Nguyễn Hạnh, 2018).

Đáng chú ý, Việt Nam đã bắt đầu có nhiều dự án đầu tư sang Lào trị giá tương đối lớn như: Dự án thủy điện Xekaman 3 (311 triệu USD); Dự án Cụm công nghiệp mía đường và Trung tâm nhiệt điện của Hoàng Anh Gia Lai (88 triệu USD); Thỏa thuận cung cấp vốn tài chính của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại 2 tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng (200 triệu USD); Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng sân bay tỉnh Attapeu và tỉnh Hủa Phăn của Hoàng Anh Gia Lai (110 triệu USD) (Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào - AVIL, 2016).

Về du lịch, năm 2016, trao đổi khách du lịch giữa hai nước đạt hơn 1,13 triệu lượt, trong đó có hơn 137 nghìn lượt khách du lịch Lào đến Việt Nam và khoảng một triệu lượt khách du lịch Việt Nam đến Lào. Lào nằm trong nhóm 15 thị trường hàng

đầu của du lịch Việt Nam, trong khi Việt Nam là thị trường du lịch quan trọng thứ hai của Lào (Dẫn theo: Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2017).

3. Một số nhận xét, đánh giá

Trong lĩnh vực thương mại, dù đạt nhiều kết quả đáng khích lệ nhưng hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với Campuchia và Lào chưa đạt được sự phát triển ổn định cần thiết, vẫn chịu ảnh hưởng lớn bởi các nhân tố bên ngoài khu vực. Trong đó, thương mại giữa Việt Nam với Lào là rất nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng trong mối quan hệ chính trị đặc biệt giữa hai nước.

Về cơ cấu thương mại, có sự khác biệt tương đối rõ trong cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với Lào và Campuchia. Theo đó, các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Lào và Campuchia chủ yếu là nhóm hàng công nghiệp chế biến và chế tạo, nguyên phụ liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp nhẹ, ngược lại các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Lào và Campuchia tập trung phần lớn vào nhóm hàng nông sản và lâm sản. Tuy thế, đây vẫn là nhóm hàng hóa thâm dụng yếu tố tài nguyên thiên nhiên và lao động giá rẻ, vốn thường tạo ra giá trị gia tăng thấp. Thực tế này chỉ ra những hạn chế trong năng lực sản xuất hàng hóa chung của 3 quốc gia.

Trong lĩnh vực đầu tư, nhìn chung, các doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu đa dạng hóa các dự án đầu tư của mình cho nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau tại Lào và Campuchia. Vốn đầu tư từ phía Việt Nam vào Lào và Campuchia được đánh giá là góp phần tạo việc làm cho người dân địa phương; đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương thông qua việc xây dựng trường học, phòng khám, bệnh viện, đường và khu nhà ở cho những người thu nhập

thấp, qua đó, giúp củng cố và tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam với Lào và Campuchia. Bên cạnh vốn đầu tư của khu vực doanh nghiệp nhà nước, đầu tư của khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt Nam sang Lào và Campuchia ngày càng tăng, điển hình là Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai với các dự án trồng cây công nghiệp tại Campuchia và Lào. Tuy nhiên, dù quy mô bình quân mỗi dự án đầu tư tại Lào và Campuchia có xu hướng tăng lên nhưng vẫn là tương đối nhỏ nếu so với các quốc gia khác như Thái Lan, Singapore hay Trung Quốc. Ngoài ra, việc thực hiện giải ngân nguồn vốn còn diễn ra tương đối chậm đã và đang làm mất đi cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường Campuchia và Lào.

Những hạn chế trong hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với Campuchia và Lào thời gian qua đến từ nhiều nguyên nhân, cụ thể là:

Thứ nhất, sự cạnh tranh gay gắt của hàng hóa sản xuất tại các nước khác, trong đó đáng chú ý là hàng hóa từ Thái Lan, Trung Quốc và các nước ASEAN. Thêm vào đó, tính cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam giảm tương đối do Campuchia tận thu thuế hải quan dẫn đến thủ tục thông quan hàng hóa tại các cửa khẩu bị ách tắc, mất thời gian hơn trước, chi phí hậu cần tăng, giá cả hàng hóa xuất khẩu tăng.

Thứ hai, trong lĩnh vực đầu tư, việc triển khai dự án còn chậm, cũng như hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam chưa có tính liên kết cao với nhau, đồng thời các doanh nghiệp chưa chú trọng đúng mức đến vấn đề môi trường trong quá trình đầu tư.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng khu vực biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia còn thiếu và còn yếu, nhất là hệ thống ngân hàng phục vụ cho nhu cầu

thanh toán biên mậu và hệ thống chợ biên giới nhằm thúc đẩy việc trao đổi thương mại của các tỉnh biên giới. Các biện pháp tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu kinh tế khu vực biên giới, bao gồm mô hình “một cửa, một điểm dừng” chưa được đẩy mạnh thực thi. Tình trạng vận chuyển hàng nhập lậu từ biên giới giữa 3 nước vào thị trường nội địa vẫn còn diễn ra phức tạp, tác động tiêu cực đến sự ổn định về kinh tế, chính trị và an ninh của mỗi nước.

III. Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia

Viễn cảnh xây dựng một ASEAN gắn kết và có khả năng cạnh tranh hơn hậu AEC được kỳ vọng tiếp tục góp phần giúp các thành viên của khối, bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia cải thiện khả năng cạnh tranh của mình. Đồng thời, Việt Nam, Campuchia và Lào sẽ là một mắt xích trong mạng lưới sản xuất của cả khu vực, qua đó gián tiếp hoặc trực tiếp tác động đến các hoạt động ngoại thương giữa ba quốc gia cũng như với các nước trong và ngoài khu vực khác. Nói cách khác, hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia không chỉ giới hạn trong phạm vi giữa ba bên mà cần phải đặt trong sự xem xét với xu thế liên kết kinh tế của khu vực ASEAN.

Ở cấp độ khu vực rộng lớn hơn, xu hướng liên kết, hợp tác kinh tế giữa các quốc gia Đông Á được cho vẫn là xu thế chủ đạo, ít nhất trong ngắn hạn và trung hạn. Các quốc gia trong khu vực tiếp tục cam kết theo đuổi tự do hóa khu vực, thể hiện qua những nỗ lực sớm kết thúc đàm phán để ký kết và thực thi Hiệp định RCEP mà ở đó, các quốc gia ASEAN được kỳ vọng giữ vai trò lớn hơn trong các hoạt động thương mại và đầu tư của khu vực. Vì thế, Việt Nam, Lào và Campuchia sẽ có cơ hội đề gia tăng vị thế của quốc gia trong

mạng lưới sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ của khu vực. Đây là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế giữa ba nước.

Mặc dù vậy, nguy cơ bất đồng, tranh chấp, xung đột chính trị của khu vực dẫn tới leo thang, xung đột vũ trang, thậm chí chiến tranh giữa các quốc gia trong và ngoài khu vực Đông Á là hiện hữu và không thể loại trừ. Viễn cảnh trên nếu xảy ra sẽ làm gián đoạn các hoạt động thương mại và đầu tư của khu vực, tác động tiêu cực đến hợp tác kinh tế giữa ba quốc gia. Các yếu tố khác ảnh hưởng đến hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia nhiều khả năng vẫn là chủ nghĩa bảo hộ có thể tiếp tục gia tăng; Trung Quốc gia tăng ảnh hưởng tại khu vực; và sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Như vậy, bối cảnh khu vực và quốc tế tạo ra những thuận lợi và thách thức cho việc thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia thời gian tới. Tuy nhiên, về cơ bản những thuận lợi vẫn là chủ yếu, bởi điều kiện quyết định nhất chính là việc ba quốc gia tiếp tục giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong chính sách đối ngoại chính trị, kinh tế và ngoại giao của mỗi bên. Bên cạnh đó, Việt Nam, Lào và Campuchia gần gũi về địa lý, rất thuận lợi cho hoạt động trao đổi về kinh tế cũng như đi lại, xuất nhập khẩu hàng hóa, lao động giữa ba nước. Đây cũng là vùng có đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và dịch vụ thương mại, du lịch của các nước trong GMS. Yếu tố khác quan trọng không kém là việc Lào và Campuchia còn có nhiều tiềm năng mà các doanh nghiệp Việt Nam có thể hợp tác đầu tư như: khai thác, chế biến khoáng sản, trồng cây công nghiệp, cây cao su, sản xuất, chế biến nông - lâm sản, thủy điện.

IV. Kết luận và một số khuyến nghị

Thời gian tới, để thúc đẩy và tăng tính hiệu quả trong hợp tác kinh tế giữa ba quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia, chính phủ ba quốc gia cần tiếp tục thúc đẩy các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp phát triển đầu tư kinh doanh; duy trì thường xuyên cơ chế đối thoại giữa các cơ quan của chính phủ ba nước, đẩy nhanh việc cập nhật và hoàn thiện các hiệp định liên quan đến thương mại, đầu tư; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động thương mại và đầu tư giữa ba nước.

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, Lào và Campuchia, cần tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ và phương pháp sản xuất, kinh doanh tiên tiến, chọn lựa các sản phẩm, ngành nghề có thế mạnh để tập trung đầu tư sản xuất. Cùng với đó, cần tập trung nguồn lực đẩy nhanh việc thực hiện các dự án đầu tư đã được các bên cấp phép đầu tư, bảo đảm tiến độ, chất lượng triển khai dự án như đã cam kết, đồng thời quan tâm đúng mức đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng, tạo thêm việc làm, chú ý vấn đề bảo vệ môi trường, đóng góp thiết thực vào xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân địa phương. Cuối cùng, cần tăng cường, phát huy tốt hơn vai trò cầu nối của Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam tại Lào và Campuchia với các cơ quan, bộ ngành của mỗi nước □

Tài liệu tham khảo

1. Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch - Đầu tư) (2018), *Tình hình thu hút Đầu tư nước ngoài 9 tháng năm 2018*, <https://dautunuocngoai.gov.vn/tinbai/6049/Tinh-hinh-thu-hut-Dau-tu-nuoc-ngoai-9-thang-nam-2018>

2. Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Lào đạt gần 900 triệu USD*, <http://www.haiquan.hochiminhcity.gov.vn/kim-ng%E1%BA%A1ch-xnk-gi%E1%BB%AFa-vi%E1%BB%87t-nam-l%C3%A0o-%C4%91%E1%BA%A1t-g%E1%BA%A7n-900-tri%E1%BB%87u-usd.aspx>
3. Nguyễn Hạnh (2018), *Doanh nghiệp Việt đầu tư sang Lào: Vướng nhiều rào cản*, <http://congthuong.vn/doanh-nghiep-viet-dau-tu-sang-lao-vuong-nhieu-rao-can-100802.html>, truy cập ngày 13/9/2018.
4. Hiệp hội Các nhà đầu tư Việt Nam sang Lào - AVIL (2016), *Báo cáo tình hình hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào giai đoạn 2011-2015 và định hướng hợp tác giai đoạn 2016-2020*.
5. An Huy (2018), *Trung Quốc áp thuế lên hàng Mỹ, tuyên bố “chiến tranh thương mại lớn nhất lịch sử”*, <http://vneconomy.vn/trung-quoc-ap-thu-len-hang-my-tuyen-bo-chien-tranh-thuong-mai-lon-nhat-lich-su-20180706145340019.htm>, truy cập ngày 10/9/2018.
6. Phương Mai, Tố Linh (2017), *Tổng cục Du lịch đẩy mạnh hoạt động xúc tiến du lịch tại thị trường Campuchia*, <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/24737>
7. Nguyễn Mai (2018), *Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch - vấn đề của Việt Nam*, <http://www.trungtamwto.vn/tin-tuc/chu-nghia-bao-ho-mau-dich-van-de-cua-viet-nam>, truy cập ngày 25/7/2018.
8. *Niên giám Thống kê Tổng cục Hải quan*, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1185&Category=S%E1%BB%91%20li%E1%BB%87u%20chuy%C3%AA%E1%BB%81&Group=S%E1%BB%91%20li%E1%BB%87u%20th%E1%B-B%91ng%20k%C3%AA>
9. Trường Sơn (2018), *Kim ngạch thương mại Việt Nam-Campuchia trên đà tăng trưởng*, <http://www.nhandan.com.vn/kinhte/item/36561402-kim-ngach-thuong-mai-viet-nam-campuchia-tren-da-tang-truong.html>
10. *Thông tin cơ bản về quan hệ Việt Nam - Campuchia*, <http://www.thuongmai.biengioimiennui.gov.vn/vn/bien-gioi-mien-nui-hai-dao/thong-tin-co-ban-ve-quan-he-viet-nam%E2%80%93campuchia-2643.phtml>, truy cập ngày 10/9/2018.
11. Tổng cục Du lịch (2017), *Tổng cục Du lịch xúc tiến du lịch tại Lào: đẩy mạnh xúc tiến thị trường gần, tăng cường thu hút khách và liên kết điểm đến với các nước láng giềng*, <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/24376>
12. Tổng cục Hải quan (2017), *Thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2011-2016 và cập nhật 3 tháng đầu năm 2017*, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1123&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AA%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>
13. Tổng cục Hải quan (2018), *Quan hệ thương mại hàng hóa song phương Việt Nam - Campuchia trong năm 2017*, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1266&Category=Ph&Group=>
14. VCCI (2016), *Hồ sơ Thị trường Campuchia*, vcci.com.vn/uploads/campuchia_2015.pdf